

Tổng công ty Đầu tư phát triển Đô thị và KCN Việt Nam
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO

Mẫu CBTT-03

Ban hành kèm theo thông tư số 38/2007/TT-BTC

ngày 18/04/2007 của BTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

QUÝ IV NĂM 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
I	Tài sản ngắn hạn	353.442.949.587	351.338.090.117
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	16.445.774.155	3.857.701.895
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	176.567.407.639	154.883.367.502
4	Hàng tồn kho	154.472.520.815	188.190.122.102
5	Tài sản ngắn hạn khác	5.957.246.978	4.406.898.618
II	Tài sản dài hạn	85.235.278.351	101.020.603.663
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	56.584.269.298	62.828.323.741
	- Tài sản cố định hữu hình	52.625.312.052	56.391.880.289
	- Tài sản cố định vô hình	1.641.666.667	1.541.666.667
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.317.290.579	4.894.776.785
3	Bất động sản đầu tư	6.077.780.684	5.208.391.288
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	22.573.228.369	32.983.888.634
5	Tài sản dài hạn khác	-	-
	Tổng tài sản	438.678.227.938	452.358.693.780
III	Nợ phải trả	314.733.594.059	322.929.138.050
1	Nợ ngắn hạn	295.986.140.277	302.413.193.643
2	Nợ dài hạn	18.747.453.782	20.515.944.407
IV	Nguồn vốn chủ sở hữu	123.944.633.879	129.429.555.730
1	Vốn chủ sở hữu	123.251.216.583	128.190.669.674
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	80.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	16.200.000.000	16.200.000.000
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Các quỹ	15.455.705.886	20.360.089.242
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11.595.510.697	11.630.580.432
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	693.417.296	1.238.886.056
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	693.417.296	1.238.886.056
	Tổng nguồn vốn	438.678.227.938	452.358.693.780

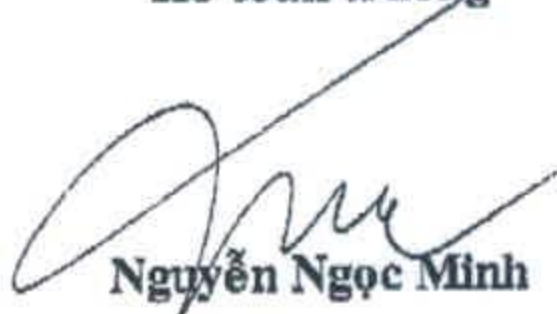
II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH :

STT	CHỈ TIÊU	QUÝ IV/2009	LŨY KẾ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	267.527.570.990	896.791.239.404
2	Các khoản giảm trừ		-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	267.527.570.990	896.791.239.404
4	Giá vốn hàng bán	258.668.095.554	866.673.643.859
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.859.475.436	30.117.595.545
6	Doanh thu hoạt động tài chính	96.474.253	598.178.404
7	Chi phí tài chính	1.128.487.657	6.168.926.795
8	Chi phí bán hàng	174.268.182	771.273.599
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.869.091.925	7.067.724.494
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	5.784.101.925	16.707.849.061
11	Thu nhập khác	(1.192.825.425)	2.923.590.478
12	Chi phí khác		327.270.000
13	Lợi nhuận khác	(1.192.825.425)	2.596.320.478
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	4.591.276.500	19.304.169.539
15	Thuế thu nhập phải nộp	541.041.739	2.317.117.324
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập	4.050.234.761	16.987.052.215
18	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	506	2.123

Ngày 25 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng

Giám đốc


Nguyễn Ngọc Minh



GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN PHÚ